

Bản án số: 06/2023/HSST
Ngày: 16-01-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN THÀNH PHỐ Đ**

Với thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Công Hn**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**; Ông **Huỳnh Bá Tiên**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Hoàng**— Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đ tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Văn Quy** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2022/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. HÀ TUẤN D - Sinh năm: 1997 - Tại H.

Nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã T, thị xã S, TP Hi;

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Hà Văn B (chết) và bà Phùng Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Nhật Kh và có 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022).

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/6/2022 – Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN HUỲNH QUỐC C - Sinh năm: 1997 - Tại H.

Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã Đ, thị xã S, TP H;

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn A và bà Phan Thị Thu H; bị cáo có vợ là Phùng Thị H và có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/6/2022 – Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị P – Sinh năm 1966.

Trú tại: Tổ 25, P.Mân Thái, Q. Sơn Trà, TP. Đ.

2. Ông Nguyễn Ngọc H – Sinh năm 1983.
Trú tại: Tổ 38, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đ
3. Ông Đặng Tiến Đ – Sinh năm 1998.
Trú tại: Lô 7-12 đường Hoàng Thị Loan, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đ
4. Bà Nguyễn Thị Lệ M1 – Sinh năm 1984.
Trú tại: Tổ 12, P. Mân Thái, Q. Sơn Trà, TP. Đ
5. Bà: Phạm Thị Kim P2 – Sinh năm 1971.
Trú tại: Tổ 151, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đ.
6. Bà: Nguyễn Thị Xuân L – Sinh năm 1988.
Trú tại: Tổ 49, P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đ.
7. Ông Cao Văn Minh D – Sinh năm 1975.
Trú tại: số 11 đường Đoàn Quý Phi, P. Hòa C N, Q. Hải Châu, TP. Đ
8. Bà Huỳnh Thị H – Sinh năm 1984.
Trú tại: Tổ 10, P. N D, Q. Hải Châu, TP. Đ
9. Bà Huỳnh Thị Ngọc B – Sinh năm 1981.
Trú tại: Tổ 89, P. Nại Hiên Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đ.
10. Bà Nguyễn Thị Lệ M1 – Sinh năm 1989.
Trú tại: K33/35 Nguyễn Trọng Nghĩa, P. Mân Thái, Q. Sơn Trà, TP. Đ.
11. Bà Nguyễn Thiện H1 – Sinh năm 1974.
Trú tại: Tổ 29, P. Tân Chính, Q. Thanh Khê, TP. Đ.
12. Bà Nguyễn Thiện Nh – Sinh năm 1976.
Trú tại: Tổ 9, P. Tân Chính, Q. Thanh Khê, TP. Đ
13. Bà Lê Thị Thùy Tr – Sinh năm 1990.
Trú tại: Số 46 đường Suối Đá 2, P, Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đ
14. Ông Bùi Hoàng L – Sinh năm 1990.
Trú tại: Tổ 89, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đ.
(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/6/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Đ tuần tra kiểm soát phát hiện Hà Tuấn D điều khiển xe ô tô BKS: 30H-414.45 có nhiều biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra, phát hiện D có hành vi cho vay lãi nặng nên đưa về trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, D khai nhận còn có Nguyễn Huỳnh Quốc C cùng làm cho D.

Vào lúc 12 giờ 05 phút ngày 06/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Huỳnh Quốc C tại Phòng 402, căn hộ Lô 06-B1 An

Thượng 37, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đ thu giữ nhiều đồ vật tài liệu có liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Hà Tuấn D và Nguyễn Huỳnh Quốc C.

Đồ vật, tài liệu tạm giữ gồm:

*** Tang vật thu giữ trong người của Hà Tuấn D:**

- 01 ví da màu đen, bên ngoài ghi chữ VL;
- 01 CCCD số 001097021752 mang tên Hà Tuấn D;
- 01 Giấy phép lái xe 010227004864 mang tên Hà Tuấn D;
- 01 CCCD số 048166001369 mang tên Trần Thị P;
- 01 thẻ ATM Techcombank mang tên Hà Tuấn D;
- 01 thẻ ATM ACBbank mang tên Hà Tuấn D;
- 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, imel: 354692271089183;
- 01 điện thoại di động Nokia 8800 màu vàng, seri: 358645010954980;
- 01 CMND số 017497018 mang tên Hà Tuấn D;
- 01 hợp Đ mua bán xe;
- 01 giấy photo chứng nhận đăng ký ô tô 30H-414.45;
- 01 bảo hiểm xe ô tô;
- 01 giấy chứng nhận kiểm định;
- 01 xe ô tô nhãn hiệu TUCSON màu trắng, BKS: 30H-414.45;
- Số tiền 19.600.000đ;
- 01 nhẫn kim loại (đã được niêm phong).

*** Tang vật thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Huỳnh Quốc C:**

- 01 căn cước công dân số 001097017214;
- 01 căn cước công dân số 046178004562;
- 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng, seri: F2LZG2PZKPHF;
- 01 điện thoại di động Iphone 5s màu bạc, seri: C39L8RPFFF9R;
- 01 giấy phép lái xe số 010191357870;
- 01 thẻ ngân hàng MB số 4089041066035122;
- 01 thẻ ngân hàng Techcombank số 4221498690637906;
- 01 xe mô tô BKS 43G1-319.81.

* Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như sau:

Khoảng tháng 03/2022, Hà Tuấn D thuê Lê Mạnh N (SN: 1995; Trú tại: Thôn Vị Thủy, xã Thanh Mỹ, huyện Sơn Tây, TP Hà Nội) với mục đích đến TP. Đ để tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng. Sau đó, N thuê Nguyễn Huỳnh Quốc C cùng đến TP. Đ để tham gia cho vay cùng N. Việc N thuê C thì D cũng biết và Đ ý. N và C vào TP. Đ cùng trú tại: Chung cư Mùng Thanh, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đ, còn D vẫn ở tại Hà Nội và chuyển tiền vào tài khoản của N để cho vay.

Về P2 thức cho vay, thời hạn vay và cách tính lãi như sau: N và C sử dụng mạng xã hội Facebook đăng tin tìm người vay và đăng tải số điện thoại 0905.217.303 của C để người vay biết liên hệ vay tiền. Khi có khách vay tiền liên hệ, N đến trực tiếp xem nhà và thu giữ các

giấy tờ cá nhân như: căn cước công dân, sổ hộ khẩu...Sau khi người vay thỏa mãn các yêu cầu thì tiến hành đưa tiền, còn C chủ yếu là đi thu tiền góp hàng ngày của khách vay. Khách vay có thể trả trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển cho C qua tài khoản Ngân hàng MB 366366386666, 066066106666. Đến khoảng giữa tháng 04/2022, N về Hà Nội để mở dây chằng (hiện nay vẫn chưa làm việc được với N) và đến đầu tháng 05/2022, D vào TP. Đ để quản lý và trực tiếp thực hiện việc cho vay. Mọi hoạt động vay tại TP. Đ, C vẫn liên hệ bằng điện thoại cho N và N sẽ báo lại cho D. D sử dụng số điện thoại 0784162222 và 0964273333 để liên lạc với khách vay. D quy định chu kỳ mỗi gói vay khác nhau (30 ngày, 33 ngày, 40 ngày...) tùy vào số tiền người vay; lãi suất của mỗi chu kỳ vay là 20% trên số tiền vay. Các gói vay của D thường sẽ thu tiền lãi trước và yêu cầu người vay phải trả tiền góp mỗi ngày, có thể đưa tiền mặt hoặc chuyển tiền qua số tài khoản số 9978888888 của Ngân hàng ACB của D. Khoảng 5-7 ngày C sau khi thu tiền góp của khách vay sẽ chuyển cho N và N sẽ chuyển cho D. Quá trình làm việc, D thừa nhận trả công cho N 8.000.000đ/1 tháng và C 6.000.000 triệu Đ/1 tháng.

Công cụ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Hà Tuấn D sử dụng điện thoại di động Iphone 12 Pro Max gắn sim 0964273333; điện thoại di động Nokia 8800 màu vàng gắn sim 0784162222 để liên lạc với người vay thu tiền, liên lạc với N và C và sử dụng để chuyển tiền và nhận tiền của khách vay tiền qua tài khoản trên hệ thống Banking. D sử dụng xe ô tô nhãn hiệu TUCSON màu trắng, BKS: 30H-414.45 để đi gặp người vay và đi thu tiền.

- Nguyễn Huỳnh Quốc C sử dụng điện thoại di động Iphone Xs màu vàng, gắn sim 0905.217.303 để liên lạc người vay thu tiền và báo cáo thông tin cho N và D nắm tình hình hoạt động cho vay và sử dụng để chuyển tiền và nhận tiền của khách vay tiền qua tài khoản trên hệ thống Banking. C sử dụng xe máy Sirius BKS 43G1-319.81 để đi thu tiền.

* Hà Tuấn D đã cho 4 khách vay với 8 lượt vay, tổng số tiền gốc cho vay là 790.000.000đ, số tiền lãi thu được là: 133.900.000đ (số tiền lãi được phép thu là 12.630.136đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 121.269.864đ) và 30.000.000đ phí dịch vụ. Cụ thể:

01/ Bà **Trần Thị P**: Bà P đã 01 lần vay với tổng số tiền 10.000.000đ (vay gói 40 ngày), đã trả xong 1.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 219.178 Đ, tiền thu lợi bất chính là 1.780.822đ). Số tiền bà P chưa trả: 9.000.000đ.

02/ Ông **Nguyễn Ngọc H**: Ông H đã 02 lần vay với tổng số tiền 300.000.000đ (vay gói 40 ngày, mỗi ngày góp 4.500.000đ tiền gốc và lãi), đã trả xong 261.600.000đ tiền gốc và 57.900.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 5.835.616đ, tiền thu lợi bất chính là 52.064.384đ). Phí dịch vụ 30.000.000đ. Số tiền ông H chưa trả: 38.400.000đ.

03/ Ông **Đặng Tiến Đ**: Ông Đ đã 02 lần vay với tổng số tiền 200.000.000đ (vay gói 22 ngày và 11 ngày, không thu tiền lãi trước), đã trả xong 140.000.000 tiền gốc và 18.000.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 1.808.219đ, tiền thu lợi bất chính là 16.191.781đ). Số tiền ông Đ chưa trả là 60.000.000đ.

04/ Bà **Nguyễn Thị Lệ M1**: Bà M1 đã vay 03 lần với số tiền 280.000.000đ (2 lần đầu vay gói 30 ngày, lần sau vay gói 33 ngày), đã trả xong 189.000.000đ tiền gốc và 56.000.000đ

tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 4.767.123đ, tiền thu lợi bất chính là 51.232.877đ). Số tiền bà M1 chưa trả là 91.000.000đ.

* Đối với nhánh của Lê Mạnh N và Nguyễn Huỳnh Quốc C đã cho 10 khách vay với 24 lượt vay. Tổng số tiền gốc cho vay là: 253.000.000đ, số tiền lãi thu được là: 51.040.000đ (Số tiền được phép thu là: 4.339.782đ, số tiền thu lợi bất chính là 46.700.218đ) và 1.600.000đ phí dịch vụ. Cụ thể:

1/ Bà **Phạm Thị Kim P2**: Bà P2 đã 01 lần vay với tổng số tiền 10.000.000 (gói vay 34 ngày), đã trả xong 6.000.000đ tiền gốc và 2.200.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 186.301đ, tiền thu lợi bất chính là 2.013.699đ). Số tiền bà P2 chưa trả là 4.000.000đ.

2/ Bà **Nguyễn Thị Xuân L**: Bà L đã 01 lần vay với tổng số tiền 5.000.000đ (vay gói 30 ngày, không thu tiền lãi trước, mỗi ngày trả 200.000đ cả gốc và lãi), đã trả xong 1.440.000đ tiền gốc và 360.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 24.658đ, tiền thu lợi bất chính là 335.342đ). Số tiền bà L chưa trả là 3.560.000đ.

3/ Ông **Cao Văn Minh D**: Ông D đã 02 lần vay với tổng số tiền 60.000.000đ (vay gói 30 ngày), đã trả xong 47.000.000đ tiền gốc và 12.000.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 986.301đ, tiền thu lợi bất chính là 11.013.699đ). Số tiền ông D chưa trả là 13.000.000đ.

4/ Bà **Huỳnh Thị H**: Bà H đã 02 lần vay với tổng số tiền 20.000.000đ (vay gói 34 ngày), đã trả xong 17.200.000đ tiền gốc và 4.400.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 372.603đ, tiền thu lợi bất chính là 4.027.397đ); Phí dịch vụ 200.000đ. Số tiền bà H chưa trả là 2.800.000đ.

5/ Bà **Huỳnh Thị Ngọc B**: Bà B đã 04 lần vay với tổng số tiền 40.000.000đ (vay gói 34 ngày), đã trả xong 37.200.000đ tiền gốc và 8.800.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 745.205đ, tiền thu lợi bất chính là 8.054.795đ). Phí dịch vụ: 600.000đ. Số tiền bà B chưa trả là 2.800.000đ.

6/ Bà **Nguyễn Thị Lệ M1**: Bà M1 đã 03 lần vay với tổng số tiền 30.000.000đ (vay gói 30 ngày, không thu tiền lãi trước), đã trả xong 24.800.000đ tiền gốc và 5.200.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 493.152đ, tiền thu lợi bất chính là 4.706.848đ). Số tiền bà M1 chưa trả là 5.200.000đ.

7/ Bà **Nguyễn Thiện H1**: Bà H1 có 02 lần vay với tổng số tiền 20.000.000đ (vay gói 34 ngày) đã trả hết số tiền 20.000.000đ tiền gốc và 4.800.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 372.603đ, tiền thu lợi bất chính là 4.427.397đ). Phí dịch vụ: 400.000đ.

8/ Bà **Nguyễn Thiện Nh**: Bà Nh đã 03 lần vay với tổng số tiền 18.000.000đ (vay gói 30 ngày), đã trả xong 12.600.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 295.890đ, tiền thu lợi bất chính là 2.704.110đ). Số tiền bà Nh chưa trả là 5.400.000đ.

9/ Bà: **Lê Thị Thùy Tr**: Bà Tr đã vay 02 lần với số tiền 10.000.000đ (vay gói 30 ngày, không thu tiền lãi trước), đã trả xong 6.920.000đ tiền gốc và 1.480.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 115.069đ, tiền thu lợi bất chính là 1.364.931đ). Số tiền bà Tr chưa trả là 3.080.000đ.

10/ Ông **Bùi Hoàng L**: Ông L đã vay 04 lần với số tiền 40.000.000đ (vay gói 37 ngày), đã trả xong 27.800.000đ tiền gốc và 8.800.000đ tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 748.000đ, tiền thu lợi bất chính là 8.052.000đ). Phí dịch vụ: 400.000đ. Số tiền ông L chưa trả là 12.200.000đ.

Như vậy, từ tháng 3/2022 đến khi bị bắt, Hà Tuấn D, Nguyễn Huỳnh Quốc C và Lê Mạnh N đã cho 14 khách vay với tổng 32 lượt vay, vay tổng số tiền 1.043.000.000đ thu lợi bất chính số tiền 167.970.082 Đ. Trong đó, D trực tiếp cho vay 4 khách với số tiền 790.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 121.269.864đ; C và N tham gia giúp sức cho D trong việc cho vay 10 khách với số tiền 253.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 46.700.218đ.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS-NHS ngày 22/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đ thì bị cáo Hà Tuấn D và Nguyễn Huỳnh Quốc C bị truy tố về tội: *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn TP. Đ thực hành quyền công tố nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố Hà Tuấn D và Nguyễn Huỳnh Quốc C về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội Đ xét xử:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Tuấn D từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Huỳnh Quốc C từ 09 đến 12 tháng tù.

- Đối với P2 tiện mà Lê Mạnh N giao cho Nguyễn Huỳnh Quốc C sử dụng để đi thu tiền vay là xe máy loại Sirius, BKS: 43G1-319.81 là tài sản của ông Hồ P2 (SN: 1961; HKTT: Tổ 46, P. Hoà An, Q. Cẩm Lệ, TP.Đ) đứng tên chủ sở hữu, ông P2 mua xe máy này vào đầu năm 2018, hiện nay ông P2 đã mất (tháng 6/2018), gia đình ông P2 không biết rõ ông P2 bán xe máy này cho ai và vào thời gian nào. Hiện nay đại diện gia đình là chị Hồ Thị Mỹ Ngọc (SN: 1988; HKTT: Tổ 46, P. Hoà An, Q. Cẩm Lệ, TP.Đ, con ruột ông P2) không có yêu cầu gì về việc nhận xe nên Cơ quan CSĐT- Công an quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ tiếp tục tạm giữ xe máy loại Sirius, BKS: 43G1-319.81 xác minh xử lý sau.

- Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Hà Tuấn Anh: 01 xe ô tô nhãn hiệu TUCSON màu trắng, BKS: 30H-414.45; 01 giấy photo chứng nhận đăng ký ô tô 30H-414.45; 01 bảo hiểm xe ô tô và 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 hợp Đ mua bán xe; trả lại cho Hà Tuấn D 01 ví da màu đen, bên ngoài ghi chữ VL, 01 nhẫn kim loại (đã được niêm phong) và trả lại cho bà Trần Thị P 01 CCCD số 048166001369 mang tên Trần Thị P là đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với 02 sim số 0964273333,0784162222 và 01 thẻ ATM ACB bank số 9978888888 mang tên Hà Tuấn D; 01 sim số 0905.217.303 và 01 thẻ ngân hàng MB số 4089041066035122 của Nguyễn Huỳnh Quốc C đề nghị tuyên tịch thu tiêu huỷ;

+ Đối với 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, imel: 354692271089183, 01 điện thoại di động Nokia 8800 màu vàng, seri: 358645010954980; 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng, seri: F2LZG2PZKPHF, các tài sản này có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 CCCD số 001097021752 mang tên Hà Tuấn D, 01 Giấy phép lái xe 010227004864 mang tên Hà Tuấn D, 01 thẻ ATM Techcombank mang tên Hà Tuấn D; 01

thẻ ngân hàng Techcombank số 4221498690637906; 01 căn cước công dân số 001097017214; 01 căn cước công dân số 046178004562; 01 điện thoại di động Iphone 5s màu bạc, seri: C39L8RPFFF9R; 01 giấy phép lái xe số 010191357870 của Nguyễn Huỳnh Quốc C, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại cho các bị cáo.

+ **Đối với số tiền** 19.600.000đ của Hà Tuấn D đề nghị tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

+ **Đối với số tiền** 2.109.540đ trong tài khoản 066066106666 ngân hàng MB đứng tên Nguyễn Huỳnh Quốc C và số tiền 58.932.444đ trong tài khoản 9978888888 ngân hàng ACB đứng tên Hà Tuấn D đề nghị tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án.

*** Biện pháp tư pháp:**

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà Hà Tuấn D, Nguyễn Huỳnh Quốc C và Lê Mạnh N thu được, do người vay không có yêu cầu hoàn trả nên đề nghị truy thu sung vào công quỹ Nhà nước, tổng số tiền 167.970.082đ thu lợi bất chính.

Trong đó:

- + Bà Trần Thị P: 1.780.822đ;
- + Ông Nguyễn Ngọc H: 52.064.384đ;
- + Ông Đặng Tiến Đ: 16.191.781đ;
- + Bà Nguyễn Thị Lệ M1: 51.232.877đ;
- + Bà: Phạm Thị Kim P2: 2.013.699đ;
- + Bà Nguyễn Thị Xuân L: 335.342đ;
- + Ông Cao Văn Minh D: 11.013.699đ;
- + Bà Huỳnh Thị H: 4.027.397đ;
- + Bà Huỳnh Thị Ngọc B: 8.054.795đ;
- + Bà Nguyễn Thị Lệ M1: 4.706.848đ;
- + Bà Nguyễn Thiện H1: 4.427.397đ;
- + Bà Nguyễn Thiện Nh: 2.704.110đ;
- + Bà Lê Thị Thùy Tr: 1.364.931đ;
- + Ông Bùi Hoàng L: 8.052.000đ.

- Đề nghị truy thu tổng số tiền phí dịch vụ 31.600.000đ mà Hà Tuấn D, Nguyễn Huỳnh Quốc C và Lê Mạnh N đã thu của các khách hàng để sung vào công quỹ Nhà nước. Trong đó:

- + Ông Nguyễn Ngọc H: 30.000.000đ;
- + Bà Huỳnh Thị H: 200.000đ;
- + Bà Huỳnh Thị Ngọc B: 600.000đ;
- + Bà Nguyễn Thiện H1: 400.000đ;
- + Ông Bùi Hoàng L: 400.000đ.

Như vậy, tổng số tiền đề nghị truy thu sung vào công quỹ Nhà nước đối với Hà Tuấn D gồm:

+ Số tiền thu lợi bất chính 167.970.082 Đ + số tiền dịch vụ: + 31.600.000đ + Số tiền lãi trong hạn 16.969.918đ + Số tiền gốc đã thu được 792.560.000đ = **1.009.100.000đ**

- Đề nghị truy thu của Nguyễn Huỳnh Quốc C số tiền **12.000.000đ** tiền công mà Hà Tuấn D trả công cho Nguyễn Huỳnh Quốc C.

Đối với số tiền mà các bị cáo đã nộp trong quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tiền trong tài khoản bị phong tỏa sẽ được khấu trừ vào số tiền mà các bị cáo buộc phải nộp lại trong quá trình thi hành án.

- Đề nghị tuyên truy thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền gốc những người vay chưa trả là **250.440.000đ**. Cụ thể:

- + Truy thu của bà Trần Thị P: 9.000.000đ;
- + Truy thu của ông Nguyễn Ngọc H: 38.400.000đ;
- + Truy thu của ông: Đặng Tiến Đ: 60.000.000đ;
- + Truy thu của bà: Nguyễn Thị Lệ M1: 91.000.000đ;
- + Truy thu của bà: Phạm Thị Kim P2: 4.000.000đ;
- + Truy thu của bà Nguyễn Thị Xuân L: 3.560.000đ;
- + Truy thu của ông Cao Văn Minh D: 13.000.000đ;
- + Truy thu của bà: Huỳnh Thị H: 2.800.000đ;
- + Truy thu của bà Huỳnh Thị Ngọc B: 2.800.000đ;
- + Truy thu của bà Nguyễn Thị Lệ M1: 5.200.000đ;
- + Truy thu của bà: Nguyễn Thiện Nh: 5.400.000đ;
- + Truy thu của bà: Lê Thị Thùy Tr: 3.080.000đ;
- + Truy thu của ông: Bùi Hoàng L: 12.200.000đ.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI Đ XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng không có ý kiến KH nại gì nên HĐXX không xem xét.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

Từ khoảng tháng 03/2022 đến ngày bị bắt, Hà Tuấn D, Nguyễn Huỳnh Quốc C và Lê Mạnh N đã cho 14 khách vay với tổng 32 lượt vay, vay tổng số tiền 1.043.000.000đ, lãi suất cho vay cao nhất là 20% số tiền vay/tháng (đã vượt gấp từ 8.1 lần đến 13.6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự là 20%), số tiền lãi thu được là: 184.940.000đ, trong đó số tiền lãi được phép thu là: 16.969.918 Đ và số tiền thu lợi bất chính là: 167.970.082đ. Trong đó, Hà Tuấn D phải chịu trách nhiệm về toàn bộ số tiền cho vay, tiền lãi thu được và tiền chi phí dịch vụ 31.600.000đ. Nguyễn Huỳnh Quốc C và Lê Mạnh N chịu trách nhiệm về việc tham gia giúp sức (thu nợ) 10 khách với số tiền cho vay 253.000.000đ, số tiền lãi thu được là:

51.040.000đ, trong đó số tiền lãi được phép thu là: 4.339.782đ và số tiền thu lợi bất chính là 46.700.218đ.

[2] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý tài chính của nhà nước nên Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã truy tố các bị cáo về tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Mặc dù các bị cáo biết rõ hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn ý thực hiện. Do đó, cần áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS để xử phạt bổ sung bị cáo Hà Tuấn D 50.000.000đ và xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Quốc C 30.000.000đ để tăng thêm tính răn đe đối với các bị cáo.

[3] Xét vai trò và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

Bị cáo Hà Tuấn D là người giữ vai trò chủ chốt trong vụ án, đã thuê Nguyễn Huỳnh Quốc C và Lê Mạnh N để phục vụ việc cho vay lãi nặng cho 14 khách vay, với tổng 32 lượt vay, tổng số tiền 1.043.000.000đ. Trong vụ án này, Lê Mạnh N và Nguyễn Huỳnh Quốc C không được hưởng lợi gì đối với hoạt động cho vay của Hà Tuấn D mà chỉ là người làm công ăn lương. Do đó, bị cáo Hà Tuấn D phải chịu trách nhiệm với toàn bộ số tiền này. Hội Đ xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe trong toàn xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh Quốc C. Lẽ ra khi N đặt vấn đề cho vay nặng lãi cho những người có Nh câu vay vốn thì bị cáo phải can ngăn bạn mình không nên thực hiện hành vi mà pháp luật không cho phép trong giao dịch dân sự. Bị cáo đã không làm được điều đó mà lại giúp tích cực cho D để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cũng cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi bị cáo đã góp phần gây ra.

Song xét thấy, hoạt động của các bị cáo tuy có gây ra những hệ lụy nhất định cho xã hội, song xét bản chất các giao dịch cũng dựa trên sự tự nguyện của những người vay; các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra các bị cáo đã tự khai ra những giao dịch dân sự vi phạm pháp luật của mình và trong giai đoạn chuẩn bị xét các bị cáo đều đã nộp một số tiền để khắc phục hậu quả, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội Đ xét xử xét thấy cần áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh Quốc C xét thấy thời hạn tạm giam của bị cáo đến nay đã 07 tháng 09 ngày cũng đã đủ sức răn đe đối với bị cáo nên xét thấy không cần thiết phải tiếp tục cách ly đối với bản thân bị cáo mà cần tuyên trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam ở một vụ án khác, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bản thân bị cáo cũng là thỏa đáng.

Đối với Lê Mạnh N đã bỏ trốn khỏi địa P2, ngày 25/11/2022 Cơ quan CSĐT Công an quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ đã ra Quyết định khởi tố bị can số 136 đối với Lê Mạnh N

về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, ra Quyết định truy nã số 03 ngày 29/11/2022 đối với bị can Lê Mạnh N. Đ thời ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi của Lê Mạnh N để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định nên không đề cập trong vụ án này.

[4] Về vật chứng:

- Đối với P2 tiện mà Lê Mạnh N giao cho Nguyễn Huỳnh Quốc C sử dụng để đi thu tiền vay là xe máy loại Sirius, BKS: 43G1-319.81 là tài sản của ông Hồ P2 (SN: 1961; HKTT: Tổ 46, P. Hoà An, Q. Cẩm Lệ, TP.Đ) đứng tên chủ sở hữu, ông P2 mua xe máy này vào đầu năm 2018, hiện nay ông P2 đã mất (tháng 6/2018), gia đình ông P2 không biết rõ ông P2 bán xe máy này cho ai và vào thời gian nào. Hiện nay đại diện gia đình là chị Hồ Thị Mỹ Ngọc (SN: 1988; HKTT: Tổ 46, P. Hoà An, Q. Cẩm Lệ, TP.Đ, con ruột ông P2) không có yêu cầu gì về việc nhận xe nên Cơ quan CSĐT- Công an quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ tiếp tục tạm giữ xe máy loại Sirius, BKS: 43G1-319.81 xác minh xử lý sau nên không đề cập đến.

- Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Hà Tuấn Anh: 01 xe ô tô nhãn hiệu TUCSON màu trắng, BKS: 30H-414.45; 01 giấy photo chứng nhận đăng ký ô tô 30H-414.45; 01 bảo hiểm xe ô tô và 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 hợp Đ mua bán xe; trả lại cho Hà Tuấn D 01 ví da màu đen, bên ngoài ghi chữ VL, 01 nhẫn kim loại (đã được niêm phong) và trả lại cho bà Trần Thị P 01 CCCD số 048166001369 mang tên Trần Thị P là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không đề cập đến.

+ Đối với 02 sim số 0964273333,0784162222 và 01 thẻ ATM ACB bank số 9978888888 mang tên Hà Tuấn D; 01 sim số 0905.217.303 và 01 thẻ ngân hàng MB số 4089041066035122 của Nguyễn Huỳnh Quốc C, xét thấy cần tuyên tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, imel: 354692271089183, 01 điện thoại di động Nokia 8800 màu vàng, seri: 358645010954980; 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng, seri: F2LZG2PZKPHF, xét thấy các tài sản này có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 CCCD số 001097021752 mang tên Hà Tuấn D, 01 Giấy phép lái xe 010227004864 mang tên Hà Tuấn D, 01 thẻ ATM Techcombank mang tên Hà Tuấn D; 01 thẻ ngân hàng Techcombank số 4221498690637906; 01 căn cước công dân số 001097017214; 01 căn cước công dân số 046178004562; 01 điện thoại di động Iphone 5s màu bạc, seri: C39L8RPFFF9R; 01 giấy phép lái xe số 010191357870 của Nguyễn Huỳnh Quốc C, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

+ Đối với số tiền 2.109.540đ trong tài khoản 066066106666 ngân hàng MB đứng tên Nguyễn Huỳnh Quốc C và số tiền 58.932.444đ trong tài khoản 9978888888 ngân hàng ACB đứng tên Hà Tuấn D cần tuyên tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án.

*** Biện pháp tư pháp:**

- Đối với số tiền thu lợi bất chính Hà Tuấn D thu được, do người vay không có yêu cầu hoàn trả 167.970.082đ và số tiền phí dịch vụ 31.600.000đ mà Hà Tuấn D thu lợi bất chính của những người vay xét thấy cần tuyên truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền truy thu đối với Hà Tuấn D gồm:

+ Số tiền thu lợi bất chính 167.970.082đ + tiền dịch vụ 31.600.000đ + Số tiền lãi trong hạn 16.969.918đ + Số tiền gốc đã thu được 792.560.000đ = **1.009.100.000đ**.

- Truy thu của Nguyễn Huỳnh Quốc C để sung vào công quỹ Nhà nước **12.000.000đ** tiền công mà Hà Tuấn D trả công cho Nguyễn Huỳnh Quốc C.

+ Đối với số tiền 19.600.000đ thu giữ của bị cáo Hà Tuấn D và 60.000.000đ bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả cũng như số tiền phong tỏa 58.932.444đ trong tài khoản 9978888888 ngân hàng ACB đứng tên Hà Tuấn D và số tiền 2.109.540đ trong tài khoản 066066106666 ngân hàng MB đứng tên Nguyễn Huỳnh Quốc C cùng với số tiền mà bị cáo C đã nộp khắc phục hậu quả 20.000.000đ sẽ được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo buộc phải nộp lại trong quá trình thi hành án.

- HĐXX xét thấy cần truy thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền gốc những người vay chưa trả là **250.440.000đ**. Cụ thể:

- + Truy thu của bà Trần Thị P: 9.000.000đ;
- + Truy thu của ông Nguyễn Ngọc H: 38.400.000đ;
- + Truy thu của ông: Đặng Tiến Đ: 60.000.000đ;
- + Truy thu của bà: Nguyễn Thị Lệ M1: 91.000.000đ;
- + Truy thu của bà: Phạm Thị Kim P2: 4.000.000đ;
- + Truy thu của bà Nguyễn Thị Xuân L: 3.560.000đ;
- + Truy thu của ông Cao Văn Minh D: 13.000.000đ;
- + Truy thu của bà: Huỳnh Thị H: 2.800.000đ;
- + Truy thu của bà Huỳnh Thị Ngọc B: 2.800.000đ;
- + Truy thu của bà Nguyễn Thị Lệ M1: 5.200.000đ;
- + Truy thu của bà: Nguyễn Thiện Nh: 5.400.000đ;
- + Truy thu của bà: Lê Thị Thùy Tr: 3.080.000đ;
- + Truy thu của ông: Bùi Hoàng L: 12.200.000đ.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Hà Tuấn D và Nguyễn Huỳnh Quốc C phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Tuấn D 09 (chín) tháng tù, thời gian phạt tù tính từ ngày 07/6/2022.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS, xử phạt bị cáo Hà Tuấn D 50.000.000đ.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Quốc C 07 (bảy) tháng 09 ngày tù. thời gian phạt tù tính từ ngày 07/6/2022. Bị cáo đã chấp hành xong. Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam ở một vụ án khác.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Quốc C 30.000.000đ

[2] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu huỷ:

+ 02 sim số 0964273333, 0784162222 và 01 thẻ ATM ACB bank số 9978888888 mang tên Hà Tuấn D; 01 sim số 0905.217.303 và 01 thẻ ngân hàng MB số 4089041066035122 của Nguyễn Huỳnh Quốc C.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, imel: 354692271089183, 01 điện thoại di động Nokia 8800 màu vàng, seri: 358645010954980; 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng, seri: F2LZG2PZKPHF.

+ Đối với 01 CCCD số 001097021752 mang tên Hà Tuấn D, 01 Giấy phép lái xe 010227004864 mang tên Hà Tuấn D, 01 thẻ ATM Techcombank mang tên Hà Tuấn D; 01 thẻ ngân hàng Techcombank số 4221498690637906; 01 căn cước công dân số 001097017214; 01 căn cước công dân số 046178004562; 01 điện thoại di động Iphone 5s màu bạc, seri: C39L8RPFFF9R; 01 giấy phép lái xe số 010191357870 của Nguyễn Huỳnh Quốc C, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

(Tất cả vật chứng trên hiện đang được lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 23/12/2022, tại Chi cục Thi hành án quận Ngũ Hành Sơn).

+ **Tuyên tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án:** Số tiền 2.109.540đ trong tài khoản 066066106666 ngân hàng MB đứng tên Nguyễn Huỳnh Quốc C và số tiền 58.932.444đ trong tài khoản 9978888888 ngân hàng ACB đứng tên Hà Tuấn D.

*** Biện pháp tư pháp:**

+ Tuyên truy thu của Hà Tuấn D 1.009.100.000đ

- Tuyên truy thu của cho Nguyễn Huỳnh Quốc C số tiền 12.000.000đ

+ *Đối với số tiền 19.600.000đ thu giữ của bị cáo Hà Tuấn D và 60.000.000đ bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả cũng như số tiền phong tỏa 58.932.444đ trong tài khoản 9978888888 ngân hàng ACB đứng tên Hà Tuấn D và số tiền 2.109.540đ trong tài khoản 066066106666 ngân hàng MB đứng tên Nguyễn Huỳnh Quốc C cùng với số tiền mà bị cáo C đã nộp khắc phục hậu quả 20.000.000đ sẽ được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo buộc phải nộp lại trong quá trình thi hành án.*

- Truy thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền gốc những người vay chưa trả: 250.440.000đ. Cụ thể:

+ Truy thu của bà Trần Thị P: 9.000.000đ;

+ Truy thu của ông Nguyễn Ngọc H: 38.400.000đ;

+ Truy thu của ông: Đặng Tiến Đ: 60.000.000đ;

+ Truy thu của bà: Nguyễn Thị Lệ M1: 91.000.000đ;

- + Truy thu của bà: Phạm Thị Kim P2: 4.000.000đ;
- + Truy thu của bà Nguyễn Thị Xuân L: 3.560.000đ;
- + Truy thu của ông Cao Văn Minh D: 13.000.000đ;
- + Truy thu của bà: Huỳnh Thị H: 2.800.000đ;
- + Truy thu của bà Huỳnh Thị Ngọc B: 2.800.000đ;
- + Truy thu của bà Nguyễn Thị Lệ M1: 5.200.000đ;
- + Truy thu của bà: Nguyễn Thiện Nh: 5.400.000đ;
- + Truy thu của bà: Lê Thị Thùy Tr: 3.080.000đ;
- + Truy thu của ông: Bùi Hoàng L: 12.200.000đ.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hà Tuấn D và bị cáo Nguyễn Huỳnh Quốc C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận NHS;
- VKSND TP. Đ;
- Công an quận NHS;
- Chi cục THADS quận NHS;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hn

